

# Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2020-2021

Võ Thế Anh Tài<sup>1</sup>, Phạm Hồng Thẩm<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Dược, Đại học Nguyễn Tất Thành

<sup>2</sup>Bệnh viện Nhân dân Gia Định

vtatai@ntt.edu.vn

## Tóm tắt

Phân tích cơ cấu sử dụng thuốc giúp cơ sở y tế thấy rõ một số bất cập liên quan đến việc sử dụng thuốc, giúp bác sĩ và các nhà quản lý có giải pháp trong hoạt động kê đơn, mua sắm thuốc hợp lý. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu: phương pháp mô tả cắt ngang, đối tượng gồm toàn bộ danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2020-2021. Kết quả: năm 2020 có 864 khoản mục và năm 2021 có 964 khoản mục ứng với hơn 88,3 tỉ đồng và gần 127 tỉ đồng, trong đó thuốc nhập khẩu chiếm phần lớn từ (72,2-79,5) % giá trị sử dụng. Nhóm thuốc kháng sinh, kháng nấm, kháng virus là nhóm có số khoản mục và giá trị sử dụng lớn nhất. Phân loại ABC: thuốc hạng A chiếm khoảng 80 %, thuốc hạng B chiếm khoảng 10 % và hạng C khoảng 10 % giá trị sử dụng. Nhóm thuốc N với 27 khoản mục đến 31 khoản mục từ 2020-2021, thuốc thuộc phân nhóm thuốc AN (thuốc không thiết yếu có chi phí cao/lượng tiêu thụ lớn) vẫn có sử dụng nhưng ở mức hạn chế từ (2-3) khoản mục chiếm từ khoảng (0,4-0,6) % giá trị sử dụng. Sự phân bổ kinh phí trong sử dụng thuốc tại bệnh viện khá phù hợp, cần duy trì sự ổn định trong các năm sau. Bên cạnh đó, bệnh viện nên sử dụng thuốc sản xuất trong nước thay vì thuốc nhập khẩu.

Nhận 28/11/2022  
Được duyệt 03/03/2023  
Công bố 30/03/2023

Từ khóa  
Bệnh viện Nhân dân  
Gia Định,  
phân tích ABC, VEN,  
sử dụng thuốc,  
danh mục thuốc

© 2022 Journal of Science and Technology - NTTU

## 1 Đặt vấn đề

Cơ cấu sử dụng thuốc tại một số cơ sở y tế hiện đang dần trải hoặc quá tập trung dẫn đến hoạt động mua sắm, kê đơn thuốc chưa hiệu quả, gia tăng chi phí điều trị cho bệnh nhân, giảm chất lượng và uy tín cơ sở khám/chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân, bên cạnh đó chi phí mua sắm thuốc phân bổ chưa phù hợp làm gánh nặng kinh phí cho bệnh viện trong công tác đầu tư thuốc. Bộ Y tế đã có Thông tư 21 năm 2013 yêu cầu Hội đồng thuốc và điều trị tại cơ sở phân tích các vấn đề về sử dụng thuốc nhằm đảm bảo việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả [1].

Bệnh viện Nhân dân Gia Định (BVNDGD) là bệnh viện đa khoa hạng I với 1.500 giường bệnh (1.650 giường thực kê). Số lượng bệnh nhân đến thăm khám

rất đông nên nhu cầu sử dụng thuốc tại đây khá lớn so với các bệnh viện chung tại địa bàn khu vực quận Bình Thạnh. Bệnh viện hiện có đội ngũ nhân sự dược được cập nhật kiến thức chuyên môn và tập huấn trong nghiệp vụ dược thường xuyên, bên cạnh đó BVNDGD là một trong những bệnh viện thí điểm có đội ngũ dược lâm sàng với nhiều nhiệm vụ, trong đó quan trọng nhất là: kê đơn, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả. Vì vậy, việc phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại BVNDGD theo ABC, VEN để thấy ưu điểm và mặt hạn chế trong thời gian sử dụng thuốc 2020-2021 là vấn đề thiết yếu [1,2]. Đây là cơ sở để Hội đồng thuốc và điều trị có căn cứ điều chỉnh danh mục thuốc dự trữ trong các năm tiếp theo.

## 2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu



## 2.1 Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ danh mục thuốc sử dụng tại BVNDGD trong hai năm 2020 và 2021 được trích xuất từ Khoa Dược, BVNDGD.

## 2.2 Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1 Phương pháp mô tả cắt ngang sử dụng số liệu hồi cứu

Nghiên cứu cắt ngang số liệu trong giai đoạn năm 2020 đến 2021 để thu thập thông tin về sử dụng thuốc trong danh mục thuốc của toàn bệnh viện. Số liệu thô được trích xuất, xử lý, thống kê trước khi phân tích bằng phương pháp ABC, VEN.

### 2.2.2 Phân tích ABC

Các bước của phân tích ABC:

- B1: liệt kê các sản phẩm (SP).
- B2: điền các thông tin sau cho mỗi SP:
  - Đơn giá của SP (sử dụng giá cho các thời điểm nhất định nếu SP có giá thay đổi theo thời gian).
  - Số lượng các SP.
- B3: tính số tiền cho mỗi SP bằng cách nhân đơn giá với số lượng SP. Tổng số tiền sẽ bằng tổng của lượng tiền cho mỗi SP.
- B4: tính giá trị % của mỗi SP bằng cách lấy số tiền của mỗi SP chia cho tổng số tiền.
- B5: sắp xếp lại các SP theo thứ tự % giá trị giảm dần.
- B6: tính giá trị % tích lũy của tổng giá trị cho mỗi SP; bắt đầu với SP số 1 sau đó cộng với SP tiếp theo trong danh sách.
- B7: phân hạng SP như sau:
  - Hạng A: gồm những SP chiếm (75-80) % tổng tiền.
  - Hạng B: gồm những SP chiếm (15-20) % tổng tiền.
  - Hạng C: gồm những SP chiếm (5-10) % tổng tiền.

Thông thường, SP hạng A chiếm (10-20) % tổng SP, hạng B chiếm (10-20) % và (60-80) % còn lại là hạng C.

### 2.2.3 Phân tích VEN

- Các thuốc đặc trị (V): gồm các thuốc dùng để cứu sống BN hoặc các thuốc thiết yếu cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản.
- Các thuốc thiết yếu (E): gồm các thuốc dùng để điều trị cho những bệnh nặng nhưng không nhất thiết cần phải có cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản.
- Các thuốc không thiết yếu (N): gồm các thuốc dùng để điều trị những bệnh nhẹ, có thể có hoặc không có

trong danh mục thiết yếu và/hoặc không cần thiết phải lưu trữ trong kho.

Đôi khi nguồn kinh phí không đủ để mua tất cả các thuốc như mong muốn. Phân tích VEN giúp cho việc lựa chọn những thuốc cần ưu tiên để mua và dự trữ trong bệnh viện.

### 2.2.4 Phân tích ABC.VEN

ABC.VEN để xác định mối liên hệ giữa các thuốc có chi phí cao và các thuốc không ưu tiên bằng cách loại bỏ những thuốc “N” trong danh sách nhóm thuốc “A” có chi phí cao/lượng tiêu thụ lớn. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2013 (Bảng 1).

### 2.2.5 Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được trích xuất và làm sạch để đảm bảo độ chính xác thông qua xử lý bằng phần mềm Excel. Thuốc được tổng hợp, phân loại theo tên thuốc; hoạt chất; thành phần; nồng độ, hàm lượng; phân nhóm tác dụng theo phân loại V: Vital - thuốc tối cần thiết, E: Essential - thuốc thiết yếu, N: Non-essential - thuốc không thiết yếu (VEN) được hướng dẫn theo danh mục thuốc thiết yếu của Tổ chức Y tế Thế giới năm 2017 [3], Thông tư số 21/2013/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành năm 2013 [1] và Thông tư số 19/2018/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành năm 2018 [4]. Đồng thời, phân tích ABC theo nguyên tắc thuốc hạng A gồm những SP chiếm (75-80) % tổng tiền, thuốc hạng B gồm những SP chiếm (15-20) % tổng tiền, thuốc hạng C gồm những SP chiếm (5-10) % tổng tiền. Thông thường, những SP hạng A chiếm (10-20) % tổng SP, hạng B chiếm (10-20) % và còn lại (60-80) % là hạng C. Sau đó, phối hợp phân tích ABC và phân tích VEN để tạo thành ma trận ABC.VEN [4].

## 3 Kết quả nghiên cứu

### 3.1 Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại BVNDGD

Năm 2020, BVNDGD đã dùng hơn 88,3 tỉ đồng để mua thuốc. Trong đó, thuốc nhập khẩu bằng 79,5 %, chiếm hơn 70,2 tỉ đồng; thuốc trong nước chỉ đạt 20,5 % tương ứng 18,1 tỉ đồng; với thuốc dùng bằng đường tiêm và tiêm truyền chiếm ưu thế bằng 45,9 tỉ đồng tương ứng hơn 52 %. Thuốc generic sử dụng gần 77,2 tỉ đồng (87,4 %) so với thuốc biệt dược gốc 11,1 tỉ đồng (12,6 %), xem Bảng 1.

**Bảng 2** Giá trị và tỉ lệ sử dụng thuốc trong năm 2020-2021

| Năm                                       |                           | 2020                    |               | 2021                    |               |
|---|---------------------------|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
| T   | Nội dung                  | Giá tiền<br>(1.000 VNĐ) | Tỉ lệ<br>(%)  | Giá tiền<br>(1.000 VNĐ) | Tỉ lệ<br>(%)  |
| <b>Nguồn gốc xuất xứ</b>                  |                           |                         |               |                         |               |
| 1   | Thuốc nhập khẩu           | 70.216.257              | 79,50         | 91.666.199              | 72,20         |
| 2   | Thuốc sản xuất trong nước | 18.109.227              | 20,50         | 35.289.855              | 27,80         |
| <b>Thuốc biệt dược gốc, thuốc generic</b> |                           |                         |               |                         |               |
| 1   | Thuốc biệt dược gốc       | 11.144.045              | 12,62         | 10.795.352              | 8,50          |
| 2   | Thuốc generic             | 77.181.440              | 87,38         | 116.160.702             | 91,50         |
| <b>Đường sử dụng</b>                      |                           |                         |               |                         |               |
| 1   | Đường tiêm, tiêm truyền   | 45.972.445              | 52,05         | 66.299.433              | 52,22         |
| 2   | Đường uống                | 38.050.682              | 43,08         | 53.225.766              | 41,92         |
| 3   | Đường dùng khác           | 4.302.357               | 4,87          | 7.430.855               | 5,85          |
| <b>Tổng</b>                               |                           | <b>88.325.484</b>       | <b>100,00</b> | <b>126.956.054</b>      | <b>100,00</b> |

Năm 2021, số tiền mua thuốc gần 127 tỉ đồng (43,7 %) so với năm 2020. Số lượng thuốc sử dụng trong năm này cũng tăng gần 14,5 % khoản mục so với năm liền kề trước đó và đạt 989 khoản mục (Bảng 2). Thuốc nhập khẩu vẫn chiếm đa số cả về số lượng là 547 khoản mục, lần giá trị là hơn 91,6 tỉ đồng chiếm 72,2 % giá trị

sử dụng. Thuốc dùng đường tiêm và tiêm truyền vẫn chiếm số tiền nhiều hơn các thuốc có đường dùng còn lại cụ thể gần 66,3 tỉ đồng chiếm hơn 52,2 % giá trị, nhưng đường uống vẫn chiếm số lượng thuốc được sử dụng nhiều nhất là 511 khoản mục chiếm hơn 51,6 % khoản mục.

**Bảng 3** Số khoản mục thuốc sử dụng và tỉ lệ trong năm 2020-2021

| Năm                                       |                           | 2020            |               | 2021            |               |
|---|---------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
| TT  | Nội dung                  | Số<br>khoản mục | Tỉ lệ<br>(%)  | Số<br>khoản mục | Tỉ lệ<br>(%)  |
| <b>Nguồn gốc xuất xứ</b>                  |                           |                 |               |                 |               |
| 1   | Thuốc nhập khẩu           | 497             | 57,52         | 547             | 55,31         |
| 2   | Thuốc sản xuất trong nước | 367             | 42,48         | 442             | 44,69         |
| <b>Thuốc biệt dược gốc, thuốc generic</b> |                           |                 |               |                 |               |
| 1   | Thuốc biệt dược gốc       | 45              | 5,21          | 55              | 5,56          |
| 2   | Thuốc generic             | 819             | 94,79         | 934             | 94,44         |
| <b>Đường sử dụng</b>                      |                           |                 |               |                 |               |
| 1   | Đường tiêm, tiêm truyền   | 300             | 34,72         | 369             | 37,31         |
| 2   | Đường uống                | 474             | 54,86         | 511             | 51,67         |
| 3   | Đường dùng khác           | 90              | 10,42         | 109             | 11,02         |
| <b>Tổng</b>                               |                           | <b>864</b>      | <b>100,00</b> | <b>989</b>      | <b>100,00</b> |

Phân tích cơ cấu sử dụng thuốc tại BVNDGD qua 2 năm 2020-2021 có thể thấy thuốc nhập khẩu luôn chiếm đa số cả về số khoản mục và giá trị sử dụng. Do đó bộ phận phân tích được cần tham mưu cho trường Khoa Dược và Hội đồng thuốc và điều trị các thuốc được sản xuất trong nước có chất lượng và giá cả tương đồng để có thể hỗ trợ phát triển thuốc nội địa, đồng thời góp phần phát triển nền công nghiệp dược trong nước. Thuốc generic được sử dụng với số khoản mục nhiều hơn hết sức có ý nghĩa và

đồng chủ trương của Bộ Y tế để giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân khi các thuốc có cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng và dạng bào chế tương đồng với thuốc biệt dược gốc.

3.2 Cơ cấu sử dụng thuốc phân theo nhóm tác dụng dược lí Năm 2020, BVNDGD sử dụng 22 nhóm tác dụng dược lí. 10 nhóm thuốc có giá trị sử dụng cao nhất chiếm 90 % giá trị sử dụng (gần 79,5 tỉ đồng) tương ứng với 705 khoản mục chiếm 81,6 %.

**Bảng 4** Số lượng và giá trị sử dụng thuốc phân theo nhóm tác dụng dược lí trong năm 2020

| TT          | Nhóm tác dụng dược lí                         | Khoản mục  |               | Giá trị sử dụng      |               |
|-------------|---|------------|---------------|----------------------|---------------|
|             |   | Số lượng   | Tỉ lệ (%)     | Giá tiền (1.000 VNĐ) | Tỉ lệ (%)     |
| <b>1</b>    | <b>Mười nhóm tác dụng</b>                     | <b>705</b> | <b>81,60</b>  | <b>79.493.987</b>    | <b>90,00</b>  |
| 1.1         | Nhóm thuốc kháng sinh, kháng nấm, kháng virus | 130        | 15,05         | 22.790.068           | 25,80         |
| 1.2         | Nhóm thuốc tim mạch, huyết áp                 | 153        | 17,71         | 13.333.897           | 15,10         |
| 1.3         | Nhóm thuốc tác dụng đối với máu               | 52         | 6,02          | 9.780.653            | 11,07         |
| 1.4         | Nhóm thuốc ức chế miễn dịch, kháng ung thư    | 63         | 7,29          | 8.757.127            | 9,91          |
| 1.5         | Nhóm thuốc nội tiết                           | 63         | 7,29          | 6.201.595            | 7,02          |
| 1.6         | Nhóm thuốc NSAIDs                             | 40         | 4,63          | 4.644.990            | 5,26          |
| 1.7         | Nhóm thuốc tâm thần kinh                      | 61         | 7,06          | 4.117.005            | 4,66          |
| 1.8         | Nhóm thuốc tiêu hóa                           | 66         | 7,64          | 3.489.986            | 3,95          |
| 1.9         | Nhóm thuốc bù nước, điện giải, amino acid     | 38         | 4,40          | 3.344.612            | 3,79          |
| 1.10        | Nhóm thuốc hô hấp                             | 39         | 4,51          | 3.034.056            | 3,44          |
| <b>2</b>    | <b>Các nhóm thuốc khác (12 nhóm)</b>          | <b>159</b> | <b>18,40</b>  | <b>8.831.497</b>     | <b>10,00</b>  |
| <b>Tổng</b> |   | <b>864</b> | <b>100,00</b> | <b>88.325.484</b>    | <b>100,00</b> |

Năm 2021, giá trị của 10 nhóm thuốc có giá trị sử dụng nhiều nhất gia tăng đột biến gần 28 tỉ đồng tương ứng gần 26 % giá trị sử dụng so với năm 2020, đạt hơn 107,3 tỉ đồng chiếm 85 % giá trị sử dụng tương ứng 763 khoản mục chiếm 77 % khoản mục.

**Bảng 5** Số lượng và giá trị sử dụng thuốc phân theo nhóm tác dụng dược lí trong năm 2021

| TT          | Nhóm tác dụng dược lí                         | Khoản mục  |               | Giá trị sử dụng      |               |
|-------------|---|------------|---------------|----------------------|---------------|
|             |   | Số lượng   | Tỉ lệ (%)     | Giá tiền (1.000 VNĐ) | Tỉ lệ (%)     |
| <b>1</b>    | <b>Mười nhóm tác dụng</b>                     | <b>763</b> | <b>77</b>     | <b>107.360.899</b>   | <b>85</b>     |
| 1.1         | Nhóm thuốc kháng sinh, kháng nấm, kháng virus | 151        | 15,27         | 24.386.940           | 19,21         |
| 1.2         | Nhóm thuốc tim mạch, huyết áp                 | 158        | 15,98         | 18.152.042           | 14,30         |
| 1.3         | Nhóm thuốc ức chế miễn dịch, kháng ung thư    | 70         | 7,08          | 16.174.144           | 12,74         |
| 1.4         | Nhóm thuốc tác dụng đối với máu               | 56         | 5,66          | 15.701.333           | 12,37         |
| 1.5         | Nhóm thuốc nội tiết                           | 77         | 7,79          | 6.785.253            | 5,34          |
| 1.6         | Nhóm thuốc tiêu hóa                           | 86         | 8,70          | 6.090.999            | 4,80          |
| 1.7         | Nhóm thuốc hô hấp                             | 36         | 3,64          | 5.266.024            | 4,15          |
| 1.8         | Nhóm thuốc NSAIDs                             | 51         | 5,16          | 5.073.077            | 4,00          |
| 1.9         | Nhóm thuốc cản quang                          | 9          | 0,91          | 4.959.504            | 3,91          |
| 1.10        | Nhóm thuốc tâm thần kinh                      | 69         | 6,98          | 4.771.583            | 3,76          |
| <b>2</b>    | <b>Các nhóm thuốc khác (12 nhóm)</b>          | <b>226</b> | <b>22,85</b>  | <b>19.595.155</b>    | <b>15,43</b>  |
| <b>Tổng</b> |   | <b>989</b> | <b>100,00</b> | <b>126.956.054</b>   | <b>100,00</b> |

Trong 2 năm nghiên cứu, mặc dù 10 nhóm thuốc có sự thay đổi thứ hạng nhưng 5 nhóm thuốc: kháng sinh, kháng nấm, kháng virus, tim mạch, huyết áp, ức chế miễn dịch, ung thư, nội tiết và thuốc tác dụng đối với máu luôn là các nhóm thuốc có giá trị sử dụng cao nhất. Nhóm thuốc kháng sinh, kháng nấm, kháng virus là nhóm có giá trị sử dụng luôn luôn cao nhất qua các năm, có 130 khoản mục gần 22,8 tỉ đồng tương ứng

25,8 % giá trị sử dụng trong năm 2020, đến năm 2021 tăng lên đến 151 khoản mục (thêm 21 khoản mục, tương ứng 5,30 %) gần 24,4 tỉ đồng tương ứng gần 19,2 % giá trị sử dụng. Bốn nhóm thuốc còn lại đều tăng về số lượng khoản mục: nhóm thuốc tác dụng đối với máu tăng 4 khoản mục (từ 52 lên 56) tương ứng tăng 1 %; nhóm thuốc huyết áp, tim mạch tăng 5 khoản mục (từ 153 lên 158) tương ứng tăng 1,26 %; nhóm ức

chế miễn dịch, kháng ung thư tăng 7 khoản mục (từ 63 lên 70) tương ứng 1,77 %; nhóm thuốc nội tiết tăng 14 khoản mục (từ 63 lên 77) tương ứng 3,53 %.

### 3.3 Cơ cấu sử dụng thuốc theo phân tích tổng hợp ABC.VEN

Phân tích cơ cấu sử dụng thuốc theo ABC năm 2020-2021 cho thấy việc mua sắm tại BVNDGD hợp lý với tỉ lệ khoản mục của thuốc hạng A đạt (20,0-22,6) %, thuốc hạng B đạt (10,7-11,0) % và thuốc hạng C đạt (66,3-69,2) %.

**Bảng 6** Thuốc sử dụng theo phân tích tổng hợp ABC.VEN năm 2020-2021

| Năm               |             | 2020       |               | 2021       |               |
|-------------------|-------------|------------|---------------|------------|---------------|
| Hạng              | Nhóm        | Khoản mục  |               |            |               |
|                   |             | Số lượng   | Tỉ lệ (%)     | Số lượng   | Tỉ lệ (%)     |
| A                 | V           | 25         | 2,89          | 32         | 3,24          |
|                   | E           | 146        | 16,90         | 189        | 19,11         |
|                   | N           | 2          | 0,23          | 3          | 0,30          |
|                   | <b>Tổng</b> | <b>173</b> | <b>20,02</b>  | <b>224</b> | <b>22,65</b>  |
| B                 | V           | 9          | 1,04          | 13         | 1,31          |
|                   | E           | 81         | 9,38          | 93         | 9,40          |
|                   | N           | 3          | 0,35          | 3          | 0,30          |
|                   | <b>Tổng</b> | <b>93</b>  | <b>10,76</b>  | <b>109</b> | <b>11,02</b>  |
| C                 | V           | 69         | 7,99          | 69         | 6,98          |
|                   | E           | 503        | 58,22         | 566        | 57,23         |
|                   | N           | 26         | 3,01          | 21         | 2,12          |
|                   | <b>Tổng</b> | <b>598</b> | <b>69,21</b>  | <b>656</b> | <b>66,33</b>  |
| <b>Tổng A+B+C</b> |             | <b>864</b> | <b>100,00</b> | <b>989</b> | <b>100,00</b> |

Các thuốc đặc trị (V): thuốc dùng để cứu sống BN hoặc các thuốc thiết yếu cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản; các thuốc thiết yếu (E): thuốc dùng để điều trị cho những bệnh nặng nhưng không nhất thiết cần phải có cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản; các thuốc không thiết yếu (N): thuốc dùng để điều trị những bệnh nhẹ, có thể có hoặc không có trong danh mục thiết yếu và/hoặc không cần thiết phải lưu trữ trong kho.

**Bảng 7** Giá trị thuốc sử dụng 2020-2021 theo phân tích tổng hợp ABC.VEN

| Năm               |             | 2020                    |               | 2021                    |               |
|-------------------|-------------|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
| Hạng              | Nhóm        | Giá trị sử dụng         |               |                         |               |
|                   |             | Giá tiền<br>(1.000 VNĐ) | Tỉ lệ<br>(%)  | Giá tiền<br>(1.000 VNĐ) | Tỉ lệ<br>(%)  |
| A                 | V           | 11.075.690              | 12,54         | 19.319.642              | 15,22         |
|                   | E           | 59.234.996              | 67,06         | 81.469.187              | 64,17         |
|                   | N           | 333.025                 | 0,38          | 803.414                 | 0,63          |
|                   | <b>Tổng</b> | <b>70.643.710</b>       | <b>79,98</b>  | <b>101.592.243</b>      | <b>80,02</b>  |
| B                 | V           | 872.909                 | 0,99          | 1.463.732               | 1,15          |
|                   | E           | 7.649.574               | 8,66          | 10.922.230              | 8,60          |
|                   | N           | 297.567                 | 0,34          | 305.896                 | 0,24          |
|                   | <b>Tổng</b> | <b>8.820.049</b>        | <b>9,99</b>   | <b>12.691.858</b>       | <b>10,00</b>  |
| C                 | V           | 1.179.977               | 1,34          | 1.350.462               | 1,06          |
|                   | E           | 7.308.932               | 8,27          | 10.831.463              | 8,53          |
|                   | N           | 372.816                 | 0,42          | 490.027                 | 0,39          |
|                   | <b>Tổng</b> | <b>8.861.725</b>        | <b>10,03</b>  | <b>12.671.952</b>       | <b>9,98</b>   |
| <b>Tổng A+B+C</b> |             | <b>88.325.484</b>       | <b>100,00</b> | <b>126.956.054</b>      | <b>100,00</b> |

Năm 2020-2021, nhóm thuốc N được sử dụng từ 27 khoản mục tăng lên 31 khoản mục; nhóm thuốc AN được sử dụng ở mức hạn chế (từ 2 đến 3 khoản mục). Nhóm thuốc A chiếm khoảng 80 % trong khi hai nhóm thuốc B và C chiếm khoảng 10 %. Cần kiểm soát danh mục dự trữ thuốc hàng tháng, quý, năm và phân tích ABC.VEN thường xuyên để duy trì sự hợp lý cho các năm tiếp theo.

Trong số các nhóm thuốc E, phân nhóm AE có tỉ lệ về giá trị sử dụng là cao nhất khoảng (64-67) % giá trị sử dụng chiếm từ khoảng 59 đến hơn 81 tỉ đồng chi phí sử dụng thuốc.

#### 4 Kết luận

Trong hai năm 2020 và 2021, BVNDGD đã tăng hơn 43,7 % số tiền mua sắm thuốc tương ứng gần 14,5 % khoản mục. Thuốc nhập khẩu vẫn chiếm đa số cả về số lượng sử dụng và giá trị sử dụng. Thuốc dùng bằng đường tiêm và đường tiêm truyền có giá trị sử dụng nhiều nhất so với các đường dùng còn lại, phù hợp với chức năng của bệnh viện được phân loại hạng I. Bệnh viện đã ưu tiên sử dụng thuốc generic hơn thuốc biệt dược gốc theo chủ trương của Bộ Y tế và Tổ chức Y tế Thế giới.

Cơ cấu sử dụng thuốc phân theo nhóm gia tăng về số khoản mục và giá trị sử dụng. Năm nhóm có giá trị sử dụng cao nhất là kháng sinh, kháng nấm, kháng virus; tim mạch, huyết áp; ức chế miễn dịch, ung thư; nội tiết và thuốc tác dụng đối với máu. Trong đó, nhóm kháng sinh, kháng nấm, kháng virus có giá trị sử dụng cao nhất từ 22,8 tỉ đồng đến 24,4 tỉ đồng chiếm từ 130

khoản mục đến 151 khoản mục (tăng 5,30 % khoản mục)

Việc cân đối kinh phí mua sắm toàn bệnh viện là hợp lý với tỉ lệ khoản mục thuốc hạng A là (20,0-22,6) %, thuốc hạng B là (10,7-11,0) % và thuốc hạng C là (66,3-69,2) %. Phân nhóm AE có tỉ lệ giá trị sử dụng là cao nhất khoảng (64-67) % giá trị sử dụng chiếm từ khoảng 59 tỉ đồng đến hơn 81 tỉ đồng chi phí sử dụng. Phân nhóm AN có giá trị cao nhưng không thiết yếu sử dụng ở mức hạn chế khoảng (0,4-0,6) % giá trị.

Cần kiểm soát dự trữ thuốc của bệnh viện hàng tháng, hàng quý, hàng năm và phân tích ABC.VEN thường xuyên, góp ý cho hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện để duy trì sự hợp lý; chia sẻ cách thức kiểm soát này cho các bệnh viện hạng I trong Thành phố để sử dụng thuốc có hiệu quả, đặc biệt đối với các bệnh viện tuyến tỉnh. Việc sử dụng các biệt dược với giá thành cao kèm theo độc quyền của nhà sản xuất và cung ứng dẫn tới tình trạng không chủ động được thuốc khi có nhu cầu sử dụng. Khoa Dược cần tư vấn cho Hội đồng thuốc và điều trị để thực hiện tốt việc đấu thầu, ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng thuốc generic có hàm lượng, dạng bào chế hiện chưa có trong nước, để nghiên cứu nội địa hoá nhằm góp phần phát triển nền công nghiệp dược Việt Nam với rất nhiều tiềm năng.

#### Lời cảm ơn

Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ – Đại học Nguyễn Tất Thành, mã đề tài 2022.01.26/HĐ-KHCN.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2013), *Thông tư 21/2013/TT-BYT* ngày 08/08/2013 Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện.
2. Tổ chức Y tế Thế giới (2017), *Model Lists of Essential Medicines (EML) 20<sup>th</sup>*.
3. Bộ Y tế (2018), *Thông tư 19/2018/TT-BYT* ngày 30/08/2018 Ban hành danh mục thuốc thiết yếu.
4. Tổ chức Y tế Thế giới (2004), *Hội đồng thuốc và điều trị - cẩm nang hướng dẫn thực hành*, trang 87-89.

## An analysis of drug consumption in Gia Dinh People's Hospital between 2020 and 2021

Vo The Anh Tai<sup>1</sup>, Pham Hong Tham<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Faculty of Pharmacy, Nguyen Tat Thanh University

<sup>2</sup>Gia Dinh People Hospital

vtatai@ntt.edu.vn

**Abstract** An analysis of healthcare drug use can provide detailed information about the facility's inappropriate use of medications and can assist healthcare providers in administering prescriptions and buying medicine. The methods is a cross-sectional study reseaching a list of drug items distributed by the department of pharmacy in Gia Dinh People's Hospital between 2020 and 2021. The results showed that there were 864 drug items in 2020 and 964 drug items, corresponding to more than 88,3 billion VND and about 127 billion VND respectively. Imported drugs accounted for the most of the value from 72.2 % to 79.5 % of the value. The group of antibiotics, antifungals, and antivirals had the highest number of items and values in the two-research-year period. The structure of drug use is according to the ABC classification in terms of use value, in which grade A drugs accounted for about 80% of the use value, grade B drugs accounted for about 10% and grade C drugs about 10%. Drug group N with 27 items to 31 items from 2020 to 2021 belonged to the AN drug group and were used but at a limit of 2-3 items, accounting for about (0.4-0.6) % of the use value. Conclusion: The structure used at the Gia Dinh People's Hospital was relatively reasonable and should be kept stable in the following years. However, hospital should use domestically produced drugs instead of imported drugs.

**Keywords** Gia Dinh People Hospital, ABC analysis, VEN, drug consumption, drug list used.